

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 14
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: 08/2026/HNGĐ-ST

Ngày 04/02/2026

(*Tranh chấp ly hôn*)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14-ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Th

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Xuân Đ

Bà Phan Thị Ngọc L

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 14, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh K- Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 14 – Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 124/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2025 về việc “*Ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2026/QĐXX-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2026 và quyết định hoãn phiên tòa số: 10/QĐHPT ngày 29/01/2026 giữa các đương sự :

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thuý K, sinh năm 1993 (có đơn xin giải quyết vắng mặt)

Địa chỉ : Ấp An Bình, xã An Long, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp cũ

Tạm trú : Ấp Việt Tân, xã Lộc Quang, tỉnh Đồng Nai

Bị đơn : Ông Phan Văn T, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Địa chỉ : Ấp An Bình, xã An Long, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp cũ

Tạm trú : Ấp Việt Tân, xã Lộc Quang, tỉnh Đồng Nai

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thuý K trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thuý K và ông Phan Văn T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2010 đến năm 2017 đăng ký kết hôn tại UBND xã An Long, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp. Trước khi chung sống chúng tôi có thời gian tìm hiểu nhau là một năm, sau khi vợ chồng về chúng sống tại ấp Việt Tân, xã Lộc Quang, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước (nay là ấp Việt Tân, xã Lộc Quang, tỉnh Đồng Nai)

Vợ chồng sống hạnh phúc đến giữa năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, cuộc sống không hạnh phúc .

Hiện nay vợ chồng không thể chung sống với nhau nữa nên bà Nguyễn Thị Thuý K làm đơn xin ly hôn với ông Phan Văn T .

- Về con chung : Vợ chồng có 02 con tên Phan Thị Kiều M, sinh ngày 22/7/2011 và Phan Thị Kiều Tr, sinh ngày 30/3/2016. Khi ly hôn bà Kiều nhận nuôi con không yêu cầu ông Tèo Tèo cấp dưỡng nuôi con.

Ngoài ra chúng tôi không nhận ai làm con nuôi, hiện nay bà Kiều không có thai .

- Về tài sản : Vợ chồng không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết .

- Về nợ : Hiện nay vợ chồng không nợ ai, và vợ chồng cũng không cho ai vay nợ.

Bị đơn ông Phan Văn T trình bày:

Ông Phan Văn T đã được Toà án triệu tập nhưng vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Đồng Nai phát biểu ý kiến:

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành.

- Việc xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thực hiện thủ tục cấp tổng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 14 không có kiến nghị gì về tố tụng.

- Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thuý K.

+ Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Thuý K được ly hôn với ông Phan Văn T .

+ Về con chung : Vợ chồng có 02 con tên Phan Thị Kiều M, sinh ngày 22/7/2011 và Phan Thị Kiều Tr, sinh ngày 30/3/2016, Toà án lấy lời khai các con đều có nguyện vọng ở với mẹ, giao cho bà Kiều nuôi con bà Kiều không yêu cầu ông Tèo cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử ghi nhận.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét.

+ Về án phí các đương sự chịu án phí theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Thuý K có đơn khởi kiện ly hôn với ông Lê Tuấn Kiệt tại Tòa án nhân dân khu vực 14 – Đồng Nai để giải quyết theo thẩm quyền. Xét thấy ông Phan Văn T có nơi tạm trú tại ấp Việt Tân, xã Lộc Quang, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 14 -Đồng Nai theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Bà Nguyễn Thị Thuý K và ông Phan Văn T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2010 đến năm 2017 đăng ký kết hôn tại UBND xã An Long, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp cũ là hợp pháp.

Theo đơn khởi kiện thì bà Nguyễn Thị Thuý K thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, cuộc sống không hạnh phúc, thường xuyên cãi nhau hiện nay vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2023 cho đến nay. Trong quá trình giải quyết ông Phan Văn T đã được Toà án triệu tập nhưng không đến Toà án làm việc là từ bỏ quyền lợi của mình, bà Nguyễn Thị Thuý K cương quyết xin ly hôn với ông Phan Văn T.

Như vậy, xét tình trạng hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Thuý Kiều và ông Phan Văn T đã trầm trọng, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được.

Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử quyết định cho bà Nguyễn Thị Thuý K được ly hôn với ông Phan Văn T .

+ *Về con chung*: Vợ chồng có 02 con tên Phan Thị Kiều M, sinh ngày 22/7/2011 và Phan Thị Kiều Tr, sinh ngày 30/3/2016, Toà án đã tiến hành lấy lời khai của các con bà Kiều đều có nguyện vọng ở với bà Kiều. Khi ly hôn bà Kiều nhận nuôi con không yêu cầu ông Tèo cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử ghi nhận.

+ *Về tài sản chung*: Vợ chồng không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

+ *Về nợ chung*: Vợ chồng không nợ ai và không ai nợ lại vợ chồng và không yêu cầu gì khác, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy; bà Nguyễn Thị Thuý K phải chịu số tiền án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Đồng Nai là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng : Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a, b khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự .

- Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thuý K.

Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Thuý K được ly hôn với ông Phan Văn T .

Về con chung: Giao con tên Phan Thị Kiều M, sinh ngày 22/7/2011 và Phan Thị Kiều Tr, sinh ngày 30/3/2016 cho bà Nguyễn Thị Thuý K chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng, bà Kiều không yêu cầu ông Tèo cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung

Về nợ chung: Không có.

Người không trực tiếp nuôi con, có quyền nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, Toà án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con .

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí : Bà Nguyễn Thị Thuý K phải chịu số tiền án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 14, tỉnh Đồng Nai theo biên lai thu tiền số: 0003547 ngày 15/10/2025.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương, để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Đồng Nai
- VKS khu vực 14
- Các đương sự.
- Phòng THA khu vực 14
- Lưu hồ sơ

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

Vũ Văn Th